

Số: / YCBG-BV

Hung Yên, ngày tháng 4 năm 2026

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Biên bản Họp Thường trực Hội đồng khoa học Bệnh viện ngày 22/4/2026 về việc duyệt danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật Danh mục mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, khí Oxy y tế năm 2026 phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình.

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu: Danh mục mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, khí Oxy y tế năm 2026 phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

CN. Phạm Thị Hà, số điện thoại liên hệ: 0963.355.618

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Bản ký đóng dấu: Gửi về CN. Phạm Thị Hà – phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, số điện thoại liên hệ: 0963.355.618 (địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên).

3.2. File mềm gửi vào email: [quanlydauthau.bvdkinhthai binh@gmail.com](mailto:quanlydauthau.bvdkinhthai binh@gmail.com) (bao gồm: báo giá, catalog (nếu có), tài liệu kỹ thuật, hồ sơ pháp lý)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 14 giờ 00 ngày 24/4/2026 đến 17 giờ 00 ngày 04/5/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 04/5/2026.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, khí Oxy y tế năm 2026 phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình (Chi tiết tại phụ lục 1);

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Tại Bệnh viện Đa khoa Thái Bình.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến là 12 tháng kể

từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo nhu cầu của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Thanh toán một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở hoá đơn, biên bản bàn giao, nhiệm thu của từng lần giao, nhận hàng.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá (*Theo mẫu tại Phụ lục 2*).

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình kính mời đại diện các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá hóa chất, vật tư xét nghiệm, khí Oxy y tế trong thời gian và địa điểm nêu trên. / *ATB*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT, TCKT *ATB*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Thái**

**Phụ lục 1: Danh mục mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, khí Oxy y tế năm 2026 phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình.**

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: /YCBG-BV ngày tháng 4 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Môi trường lỏng được sử dụng để tiến hành hoặc khẳng định các thử nghiệm giả định các chủng coliform	Môi trường lỏng được sử dụng để tiến hành hoặc khẳng định các thử nghiệm giả định các chủng coliform trong nước, sữa,....	Gam	500
2	Môi trường Sabouraud nuôi cấy nấm	Môi trường để nuôi cấy, phân lập các bệnh phẩm da liễu, nấm và nấm men khác.	Gam	1.000
3	Môi trường chọn lọc phân lập Salmonella và Shigella	Môi trường chọn lọc phân biệt để phân lập Salmonella và một số loài Shigella từ bệnh phẩm lâm sàng, thực phẩm...	Gam	500
4	Môi trường bột Blood Agar Base	Thành phần: Proteose peptone; Liver digest; Sodium chloride; Agar ...	Gam	12.000
5	Bộ nhuộm phân biệt vi khuẩn Gram dương và Gram âm	Nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Decolor (alcohol-acetone) và Safranin.	Bộ	10
6	Bộ Nhuộm Ziehl - Neelsen	Nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) và Methylene Blue	Bộ	10
7	Kit tải lượng HCV	Phát hiện kiểu gen: Tất cả kiểu gen và subtype liên quan đều được phát hiện và đều cho kết quả dương tính với kit tải lượng HCV	Test	800
8	Kit tách ARN từ nhiều loại mẫu khác nhau	Tách RNA/DNA Virus từ nhiều loại mẫu phẩm khác nhau.	Test	500
9	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng	Test thử nhanh đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng virus viêm gan A ở huyết thanh hoặc	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
	HAV	huyết tương người		
10	Test nhanh HEV	Test thử nhanh phát hiện IgM kháng virus viêm gan E ở huyết thanh hoặc huyết tương người	Test	200
11	Môi trường thử nghiệm độ nhạy cảm kháng sinh	Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh. Thành phần bao gồm: dehydrated infusion from Beef, Casein hydrolysate, Starch, pH 7.3 ± 0.1.	Gam	5.000
12	Pseudomonas aeruginosa ATCC® 27853™*	Que cấy đầu vòng tròn gắn chủng vi sinh vật Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853 có khả năng sống và phát triển ổn định	Que	5
13	Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC® 29213™*	Que cấy đầu vòng tròn gắn chủng vi sinh vật Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 29213 có khả năng sống và phát triển ổn định	Que	5
14	Staphylococcus saprophyticus ATCC® BAA-750™*	Que cấy đầu vòng tròn gắn chủng vi sinh vật Staphylococcus saprophyticus ATCC® BAA-750 có khả năng sống và phát triển ổn định	Que	5
15	Streptococcus pneumoniae ATCC® 49619™*	Que cấy đầu vòng tròn gắn chủng vi sinh vật Streptococcus pneumoniae ATCC 49619 có khả năng sống và phát triển ổn định	Que	5
16	Stenotrophomonas maltophilia ATCC® 17666™*	Que cấy đầu vòng tròn gắn chủng vi sinh vật Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666 có khả năng sống và phát triển ổn định	Que	5
17	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên SARS-CoV-2, Influenza A, Influenza B, Adenovirus, RSV	Khay thử xét nghiệm nhanh định tính kháng nguyên SARS-CoV-2, Influenza A, Influenza B, Adenovirus, RSV	Test	1.000
18	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Toxocara	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Toxocara	Test	960

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
19	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Test	960
20	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể kháng IgG kháng Trichinella	xét nghiệm định tính kháng thể kháng IgG kháng Trichinella	Test	480
21	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể kháng IgG kháng Fasciola	Xét nghiệm định tính kháng thể kháng IgG kháng Fasciola	Test	576
22	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis	Test	576
23	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Cysticercosis (T.Sodium)	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Cysticercosis (T.Sodium)	test	288
24	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Test	192
25	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus	Test	192
26	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên H.Pylori	Phát hiện định tính kháng nguyên H. pylori trong mẫu phân.	Test	300
27	Đầu tip	Đầu tip tương thích với hệ thống định danh và kháng sinh đồ Automic-i600. Dung tích hút 2.5ml/cái	Cái	10.000
28	Ống nghiệm thủy tinh 12x0,8cm	Chất liệu thủy tinh, chiều dài x đường kính: 12cm x 0,8cm (±1%)	Ống	1.500

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
29	Ống nghiệm thủy tinh 12x12 cm	Chất liệu thủy tinh, chiều dài x đường kính: 12cm x 1,2cm ( $\pm 1\%$ )	Ống	1.000
30	Ống nghiệm thủy tinh 18 x1,8cm	Chất liệu thủy tinh, chiều dài x đường kính: 18cm x 1,8cm ( $\pm 1\%$ )	Ống	1.000
31	Giấy lọc	Dùng để lọc dung môi. tách tạp chất ra khỏi dung dịch	Tờ	200
32	NAOH	Dạng tinh khiết, Nồng độ $\geq 96\%$ , Màu trắng, dạng pellet hoặc flake, Là hợp chất hóa học vô cơ, mang tính kiềm	Gam	1.000
33	KOH	Dạng tinh khiết, Nồng độ $\geq 90\%$ , Màu trắng, dạng vảy, dễ tan trong nước, Là hợp chất hóa học vô cơ, mang tính kiềm	Gam	1.000
34	Xanh methylen	Độ tinh khiết: $\geq 85\%$ Khối lượng mol: 319.86 g/mol - Độ pH: 3 (10 g/l, H <sub>2</sub> O, 20 °C) - Điểm nóng chảy: 180 °C - Khối lượng riêng: 400 - 600 kg/m <sup>3</sup> - Tính tan trong nước: 50 g/l	Gam	500
35	Test nhanh vi khuẩn H.pylori bằng giấy	Test nhanh vi khuẩn HP khô dạng giấy bảo quản ở nhiệt độ thường, cho ra kết quả trong vòng 1-3phút. Độ nhạy >90%, độ đặc hiệu 100%	Test	1.000
36	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Colistin Sulphate 10 $\mu$ g	Khoanh giấy Colistin Sulphate nồng độ 10 $\mu$ g	Khoanh	1.500
37	Anti - A	Kháng thể đơn dòng Anti A. Bảo quản 2 - 8°C, không để đông lạnh. Lọ $\geq 10$ ml	Lọ	750
38	Anti - AB	Kháng thể đơn dòng Anti A,B Bảo quản ở 2 - 8°C, không để đông lạnh. Lọ $\geq 10$ ml	Lọ	720
39	Anti - B	Kháng thể đơn dòng Anti B Bảo quản 2 - 8°C; không để đông lạnh. Lọ $\geq 10$ ml	Lọ	750

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
40	Anti - D	Kháng thể đơn dòng Anti D Bảo quản 2 - 8°C; không để đông lạnh. Lọ ≥ 10ml	Lọ	200
41	Khí Oxy y tế bình 40 lít	- Tiêu chuẩn: y tế; Độ tinh khiết ≥ 99,5% dạng khí - Nén trong bình có dung tích 40 lít; Áp suất sử dụng: ≥ 135 bar. Có nhãn hàng theo đúng quy chế nhãn mác - Bình được kiểm định và đang trong thời gian lưu hành	Bình	12.000
42	Khí Oxy y tế bình 10 lít	- Tiêu chuẩn: y tế; Độ tinh khiết ≥ 99,5% dạng khí - Nén trong bình có dung tích 10 lít; Áp suất sử dụng: ≥ 135 bar. Có nhãn hàng theo đúng quy chế nhãn mác - Bình được kiểm định và đang trong thời gian lưu hành	Bình	4.000
43	Oxy lỏng dùng trong y tế	Tiêu chuẩn: y tế; Độ tinh khiết ≥ 99,6% dạng lỏng; nạp trực tiếp vào bồn chứa tại Bệnh viện bằng xe chuyên dụng.	Kg	800.000
44	Acid Formic	Thành phần: Acid Formic. Độ tinh khiết ≥ 99%	Lít	1
45	Acid HCL đậm đặc	Thành phần: Acid HCL đậm đặc, Độ tinh khiết ≥ 35%	mL	3.000
46	Gel cắt lạnh	Chất lỏng trong suốt, không màu, không mùi Hiệu quả ở nhiệt độ -10 ° C trở xuống. Dùng để cố định mẫu trong quá trình cắt lạnh.	ml	1.180
47	Parafin (nén hạt tinh khiết)	Thành phần: Paraffin (nén hạt tinh khiết) hàm lượng: >90%; poly(isobutene) <6%; Ethylene vinyl acetate, copolymer Tính chất lí hóa: Trạng thái: Rắn Màu sắc: Trắng, trong Mùi vị: Không mùi	Kg	100
48	Băng đựng hydrogen peroxide cho máy tiệt	Băng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD	Băng	170

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
	khuẩn	100S, Băng gồm 10 cell, mỗi cell chứa 1,8ml H2O2 nồng độ 58%, mỗi Băng chạy được 5 chu trình tiệt khuẩn.		
49	Dầu parafin	Thành phần: Dầu parafin dạng lỏng, không màu không mùi, không vị.	Lít	143
50	Dầu xả	Tinh dầu chiết xuất từ cây sả, không vẫn đục, có mùi thơm tinh dầu sả	Lít	60
51	Que thử đường huyết nhanh	Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD) Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch	Test	59.000
52	Gel siêu âm	- Không có Formaldehyde - Không gây mẫn cảm hoặc rát da - Gel trong, tan hoàn toàn trong nước - Dạng gel	Lít	1.355
53	Acid citric	Tinh thể không màu hoặc bột trắng; ngậm một phân tử nước. Độ tinh khiết 99,00%	Kg	1.200
54	Chuẩn endotoxin	Chất chuẩn được sử dụng rộng rãi để thử nghiệm nội độc tố.	Lọ	1
55	Kit Endotoxin ( Test nội độc tố)	Cho kết quả sau 60 phút. Độ nhạy: 0.125EU/ml	Kit	2
56	Nước siêu sạch	Nước siêu sạch dùng trong thận nhân tạo. Lọ ≥ 10mL	Lọ	1
57	Thẻ xét nghiệm khí máu	Hóa chất chẩn đoán (IVD) dùng cho xét nghiệm nhanh tại chỗ (POCT) Bao gồm các thông số: Sodium(Na), Potassium(K), Ionized Calcium(iCa), pH, PCO2, PO2, TCO2, HCO3, BEecf, SO2, Hematocrit(Hct), Hemoglobin( Hgb).	Thẻ	12.000
58	Gel điện tim	Gel phù hợp điện cực máy điện tim, điện não. Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có chất formaldehyde.	mL	15.000
59	Dầu xịt tay khoan	Dùng để vệ sinh và bôi trơn cho các loại tay khoan nha	mL	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
60	Ống đo tốc độ máu lắng	- Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm - Thể tích lấy máu: 1.28ml - Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2% - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác - Sử dụng kim lấy máu chân không và ống giữ kim lấy máu để đưa vào ống.	Ống	6.500
61	Miếng xốp chuyển bệnh phẩm sinh thiết	Miếng lót bệnh phẩm polyester urethane. Kích thước $\geq 2,54 \times 3,20$ cm. Khử trùng được ở nhiệt độ: + 121 độ C. Nhiệt độ chịu được từ - 40 độ C đến +121 độ C	Miếng	1.500
62	Lamen 22mmx40mm	Làm bằng thủy tinh borosilicate. Kích thước 22mmx40mm. Hộp $\geq 100$ cái	Hộp	150
63	Lamen 22mmx22mm	Làm bằng thủy tinh borosilicate. Kích thước 22mm x 22mm. Hộp $\geq 100$ cái	Hộp	180
64	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế, phẫu thuật, thiết bị y tế, dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt (Ortho-Phthaldehyde)	Thành phần: Ortho-Phthaldehyde 0,55%; pH trung tính.	Lít	1.500
65	Dao cắt bệnh phẩm	Dao cắt vi thể dùng trong quy trình cắt mỏng bằng máy cắt vi thể, hoặc máy cắt lạnh - Kích thước: 80.00 x 14.00 x 0.317 mm - Góc nghiêng 35° - Dao được làm bằng thép hợp kim cao, có độ cứng cao, bền, không rỉ sét.	Cái	500
66	Dao cắt bệnh phẩm	Dao cắt vi thể dùng trong quy trình cắt mỏng bằng máy cắt vi thể, hoặc máy cắt lạnh - Kích thước: 80 x 8 x 0.254 mm - Góc nghiêng 35° - Dao được làm bằng thép hợp kim cao, có độ cứng cao, bền, không rỉ sét.	Cái	750

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
67	Sáp Paraffin để cố định mẫu	Là hỗn hợp gồm parafin tinh khiết cao và polyme nhựa có trọng lượng phân tử được điều chỉnh . Cung cấp cho mô độ đàn hồi nhất định, tạo vết cắt mượt, không nhăn.	kg	150
68	Dung dịch nhuộm Eosin	Eosin chủ yếu được sử dụng để nhuộm tế bào chất để tăng độ tương phản với các yếu tố đã liên kết với nhân tế bào. Thành phần: Ethanol < 65%; Acetic Acid < 10%; Isopropanol < 5%; Methanol < 5%. Màu: đỏ pH: 4 - 5	Lít	15
69	Dung dịch nhuộm Hematoxylin	Hematoxylin được sử dụng để tạo màu và độ tương phản cho các mẫu mô bệnh học và tế bào học. Thành phần: Ethylene Glycol <40%; Aluminium sulphate < 5%; Aluminum ammonium sulfate < 5%; pH: 2.0-3.1	Lít	17
70	Dung dịch làm xanh nhân	Là chất tạo màu xanh được sử dụng như một thành phần của quy trình nhuộm hematoxylin và eosin (H&E) giúp làm xanh nhân sau khi nhuộm hematoxylin Thành phần chính: Trisbuffer Tromethamine <5%; pH: 8.0 - 8.3	Lít	15
71	Chất cố định tiêu bản Formalin 10%	Formalin đệm Phosphate trung tính 10% dạng pha sẵn dành cho nhà giải phẫu bệnh học thuận tiện trong việc cố định mô/tế bào thủ công. Thành phần Methanol < 2%, Formaldehyde < 6%. Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu sắc: Không màu Mùi: hăng pH: 7 - 7.2	Lít	250
72	Xylen	Phạm vi phá hủy: 137 - 143°C Điểm chớp cháy: > 22°C Độ axit: < 100 ppm. Nồng độ dung môi không thơm: < 4%.	Lít	250
73	Composite lỏng	Vật liệu Composite trám răng, thể lỏng.	Gam	30
74	Composite đặc	Là vật liệu composite quang trùng hợp, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy.	Gam	20

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
75	Vật liệu hàn răng	Vật liệu dùng để trám răng, điều trị sâu răng, hàn trước xoang I cổ răng.	Gam	70
76	Vật liệu hàn răng	Vật liệu dùng để trám răng, điều trị sâu răng, hàn trước xoang II, cổ răng.	Gam	100
77	Gel bôi trơn ống tủy	Thành phần 15% EDTA và 10% carbamide peroxide giúp hòa tan mô cứng.	Gam	50
78	Kit kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu	Mục đích: Kiểm tra nhanh các thực phẩm có sử dụng dư lượng thuốc trừ sâu trong bảo quản. •Giới hạn phát hiện: trong thực phẩm 50 ppm •Thời gian phát hiện: 5 phút.	Test	50
79	Kit kiểm tra nhanh foocmon	Mục đích: Kiểm tra nhanh các thực phẩm có sử dụng formaldehyd trong bảo quản. •Giới hạn phát hiện: trong thực phẩm 50 ppm •Thời gian phát hiện: ≤ 40 phút •Đối tượng : Nước ngâm hải sản sống, các loại thịt ướp	Test	200
80	Kit kiểm tra nhanh hàn the	• Mục đích: Kiểm tra nhanh hàn the trong giò, chả, thịt tươi sống • Giới hạn phát hiện : trong thực phẩm 50 ppm • Thời gian phát hiện: 3 - 30 phút • Đối tượng sử dụng: giò, chả, xúc xích. Các sản phẩm chế biến từ tinh bột: bánh đúc...	Test	200
81	Kit kiểm tra nhanh dầu mỡ ôi khét	• Mục đích: Kiểm tra nhanh dầu mỡ bị ôxy hoá • Giới hạn phát hiện: Test thử định tính • Thời gian phát hiện: 5 phút • Đối tượng sử dụng: Dầu, mỡ động vật sử dụng làm thực phẩm.	Test	30
82	Kit kiểm tra nhanh nitrit	Mục đích Kiểm tra nhanh nitrit trong nước uống, nước giải khát không màu. •Giới hạn phát hiện: trong nước là 0,1 ppm •Thời gian phát hiện: 3-5 phút	Test	140

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tính năng tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		•Đối tượng sử dụng: Nước sinh hoạt, đồ uống không màu.		
83	Kit kiểm tra nhanh axit vô cơ trong dấm ăn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Mục đích: Kiểm tra nhanh acid vô cơ trong dấm ăn</li> <li>• Giới hạn phát hiện: 500ppm</li> <li>• Thời gian phát hiện: 5 - 10 phút</li> <li>• Đối tượng sử dụng: Các loại dấm ăn: dấm nguyên chất, dấm đã pha chế.</li> </ul>	Test	60
84	Cloramin B	Hàm lượng Clo hoạt tính: tối thiểu 25%,	Kg	48
85	Oxy già đậm đặc	Hydrogen peoxit H2O2 30%.	mL	12.000
86	Ống chống đông EDTA K2 2ml, nắp cao su	Ống chống đông bằng EDTA K2, lấy máu toàn phần thể tích 2ml , nút cao su. Dùng để xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu trên máy tự động	Ống	350.000

Aty

*Ghi chú: Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trên chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà cung cấp có thể báo giá những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu báo giá).*

**Phụ lục 2**  
**Mẫu báo giá (1)**

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất, vật tư xét nghiệm, khí Oxy y tế như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất, vật tư xét nghiệm, khí Oxy y tế và dịch vụ liên quan

Số TT	Số TT yêu cầu báo giá	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa (2)	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Ký, mã, nhãn hiệu, model (3)	Phân loại TBYT	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Mã HS (4)	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1			Danh mục A														
2			Danh mục B														
n			.....														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hóa chất, vật tư xét nghiệm)

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].
- Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày .... tháng ..... năm 2026

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Ghi chú:**

*(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp.*

*(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.*

*(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.*

*(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.*